**Một số ý kiến góp ý về nội dung phát triển ngành Công nghiệp Môi trường trong Dự thảo Luật Bảo vệ Môi trường 2020**

**Thạc sỹ Lê Minh Đức, Phó Tổng thư ký Hiệp hội CNMT Việt nam**

*Lời tựa: Luật BVMT 2020 đang soạn thảo và lấy ý kiến rộng rãi, có nội dung phát triển ngành công nghiệp môi trường. Đây là vấn đề còn gây nhiều tranh cãi xung quanh khái niệm, định nghĩa và các phân chia quản lý ngành. Để góp thêm thông tin và làm rõ những vấn đề này, Hiệp Hội CNMT xin chia sẻ bài viết của chuyên gia Lê Minh Đức, người có nhiều năm nghiên cứu chuyên đề về công nghiệp môi trường này.*

1. **Khái niệm về ngành công nghiệp môi trường (CNMT)**

Nghiên cứu đầu tiên về ngành công nghiệp môi trường (CNMT) được khởi xướng từ Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương) từ giữa những năm 2000. Năm 2006, Viện Nghiên cứu chiến lược và chính sách công nghiệp (IPSI) thực hiện nhiệm vụ điều tra đánh giá hiện trạng ngành CNMT của Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả điều tra và tổng hợp tư liệu trong và ngoài nước đã đưa ra những khái niệm đầu tiên về ngành CNMT. Trong đó, CNMT bao hàm 3 trụ cột:

1. Dịch vụ môi trường (xử lý nước, chất thải rắn, không khí, và khác)
2. Sản xuất thiết bị/công nghệ/nguyên liệu/hóa chất phục vụ công tác BVMT
3. Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên (công nghiệp tái chế, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn và phát triển các môi trường đặc thù..)

Do khái niệm còn khá mới, bao hàm các khía cạnh hoạt động rộng, một số ranh giới CNMT với các ngành khác không rõ nét dẫn đến các tranh luận và hiểu nhầm thậm chí sai lệch về ngành CNMT. Trên thế giới, CNMT có nhiều hình thức tổ chức khác nhau. Hàn Quốc là thí dụ, CNMT Hàn quốc chia thành 3 nhóm ngành chính: (i) công nghiệp xử lý nước, (ii) công nghiệp xử lý chất thải rắn và (iii) công nghiệp xử lý khí thải. Một số nước gộp dịch vụ với sản xuất thiết bị làm một, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên được chia tách thành các lĩnh vực khác nhau: tái chế và bảo tồn tài nguyên.

Mặc dù có những các phân chia khác nhau, nhưng về nội hàm CNMT không thay đổi (vẫn giữ nguyên 3 trụ cột). Như Hàn Quốc, trong từng phân ngành CNMT có dịch vụ và sản xuất thiết bị và cả tái chế các chất thải liên quan như CTR hay nước thải.

CNMT vừa là công nghiệp vừa mang tính dịch vụ. Thí dụ, công nghiệp đốt rác phát điện vừa hoạt động công nghiệp sản xuất điện vừa làm dịch vụ cho nhà nước về xử lý rác thải sinh hoạt, được nhà nước trả tiền để xử lý và cho việc cung cấp dịch vụ đặc thù. Không thể tách hoạt động công nghiệp ra khỏi dịch vụ trên cùng một chủ thể, và bị chi phối bởi 2 chính sách khác nhau. Khác với ngành công nghiệp truyền thống như thép, hóa chất, cơ khí… sản xuất theo nhu cầu thị trường. CNMT làm theo đặt hàng của nhà nước, thị trường chính là đầu tư của nhà nước. Thị trường /đặt hàng nhà nước đó phụ thuộc vào mức chi ngân sách của từng quốc gia. Trung bình, ngân sách cho BVMT tại các nước phát triển chiếm 3-5% GDP. Chính vì vậy, CNMT còn được gọi là Công nghiệp dịch vụ.

Cũng như các ngành công nghiệp khác, CNMT có các hoạt động và nhà máy công nghiệp mang tính đặc trưng. Thí dụ, nhà máy chế biến chất thải là chủ thể chính, đặc thù của CNMT giống như nhà máy thép trong công nghiệp thép, nhà máy hóa chất trong công nghiệp hóa chất… Nói đến CNMT là nói đến các loại hình/chủ thể này. Tới đây, khi Việt Nam có thêm nhiều nhà máy đốt rác phát điện quy mô lớn 4000 tấn/ngày như nhà máy Thiên ý đang xây dựng tại Hà Nội, hay các công trình công nghiệp trong thu gom và xử lý nước thải thành phố như Yên Sở, Hà Nội quy mô của ngành CNMT sẽ khác hẳn hiện nay. Sứ mệnh lớn nhất của ngành CNMT là biến tất cả chất thải của toàn bộ nền kinh tế trở thành tài nguyên, trở lại phục vụ nền kinh tế và giải quyết vấn đề cạn kiệt tài nguyên hiện nay. Thế giới và Việt Nam đang bàn nhiều về kinh tế tuần hoàn. Nhưng ít tai biết rằng, CNMT chiếm hơn một nửa giá trị của nền kinh tế này, trở thành cấu phần quan trọng nhất của nền kinh tế tuần hoàn.

Trên thực tế, **không tồn tại “ngành công nghiệp môi trường độc lập chuyên sản xuất công nghệ/thiết bị và sản phẩm môi trường”.** Mặc dầu, khối lượng giao dịch sản phẩm công nghệ/thiết bị môi trường hàng năm trên thế giới rất lớn, lên đến nhiều tỷ USD. Song chúng không xuất phát từ một ngành duy nhất, mà đến từ nhiều nguồn trong đó có CNMT. Nói đến sản xuất thiết bị/công nghệ ngành CNMT là nói đến chức năng của ngành, không phải đề cập đến một ngành công nghiệp chuyên biệt nào. Ngành CNMT, trong trường hợp như các nhà máy đốt rác sẽ vừa làm dịch vụ vừa sản xuất thiết bị/công nghệ. Tại các nhà máy như vậy, có thể có các phân xưởng sản xuất thiết bị chuyên dụng. Ở quy mô lớn hơn, có thể thành lập công ty chuyên sản xuất thiết bị công nghệ, công ty con của dịch vụ. Hoặc CNMT/ nhà máy đốt rác có thể đặt hàng sản xuất công nghệ thiết bị và sản phẩm môi trường ở bên ngoài nhà máy, tận dụng năng lực sẵn có của nền kinh tế. Thí dụ, đặt hàng ngành cơ khí chế tạo thiết bị lò đốt theo thiết kế của CNMT, hoặc đặt hàng ngành hóa sản xuất nguyên liệu hay hóa chất đặc chủng theo yêu cầu... Tất cả không tạo ra ngành CNMT chuyên sản xuất thiết bị/công nghệ.

Sản xuất công nghệ/thiết bị gắn liền với công nghiệp dịch vụ, một bộ phận gắn kết hữu cơ với dịch vụ, mắt xích trong chuỗi giá trị ngành CNMT. CNMT, trên thực tế, là chủ thể thống nhất vừa làm chức năng/hoạt động dịch vụ vừa sản xuất công nghệ/thiết bị. Không có ngành công nghiệp nào đó không phải dịch vụ, không thuộc dịch vụ, không hiểu dịch vụ và không dựa trên yêu cầu/hay đặt hàng của CNMT tự sản xuất công nghệ /thiết bị. Điều này cũng giống như ngành thép, có nhu cầu rất cao về công nghệ/thiết bị để sản xuất thép, nhưng không tồn tại ngành công nghiệp chuyên sản xuất công nghê/thiết bị cho ngành thép.

1. **Thực trạng hệ thống văn bản pháp luật về ngành CNMT**

Năm 2010, Bộ Công Thương/ IPSI thực hiện quy hoạch phát triển ngành CNMT. Đây là quy hoạch đầu tiên trên phạm vi quốc gia đối với ngành CNMT. Trước đó, từng địa phương và một số thành phố lớn đã xây dựng quy hoạch thành phần môi trường như quy hoạch quản lý chất thải rắn, quy hoạch quản lý nước thải đô thị.

Quy hoạch CNMT 2010 tập trung vào thiết kế 3 trụ cột của ngành: (i) dịch vụ môi trường, (ii) sản xuất thiết bị/công nghệ và sản phẩm môi trường và (iii) sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên. Rất tiếc, Quy hoạch phát triển CNMT 2010 chưa làm rõ chủ thể quy hoạch, sai lầm lớn nhất là coi 3 hoạt động trụ cột như 3 ngành công nghiệp riêng biệt.

Đề cập lại những vấn đề trên để thấy những khó khăn trong bước đầu xây dựng ngành CNMT. Những khó khăn đó vẫn đang hiện diện và tạo ra lực cản ngay trong hệ thống văn bản pháp luật về ngành CNMT hiện nay.

Trước tiên, điểm lại những dấu mốc văn bản quan trọng của ngành CNMT Việt Nam:

* **Năm 2009**, tại Quyết định số 1030/QĐ-TTg, ngày 20/07/2009 Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải ký Quyết định phê duyệt “ Đề án phát triển ngành CNMT Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn 2025”
* **Năm 2010**, tại Quyết định số 249/QĐ-TTg, ngày 10/02/2010, Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải ký Quyết định phê duyệt “ Đề án phát triển dịch vụ môi trường đến năm 2020”
* **Năm 2011**, chủ trương phát triển ngành CNMT chính thức được đưa vào Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI
* **Năm 2014**, Luật BVMT được thông qua, có một Điều 153. Phát triển công nghiệp môi trường.
* **Năm 2017**, tại Quyết định số 192/QĐ-TTg, ngày 13/02/2017 Phó thủ tướng Trịnh Đình Dũng ký Quyết định phê duyệt “ Đề án phát triển ngành CNMT Việt Nam đến năm 2025”
* **Năm 2017**, Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, Nghị định 98/2017/NĐ-CP, ngày 18/08/2017 chính thức quy định Bộ Công thương quản lý ngành công nghiệp môi trường
* **Năm 2019**, tại Quyết định số 1138/QĐ-BCT, ngày 04/05/2019, Bộ trưởng Trần Tuấn Anh ký Quyết định phê duyệt “ Kế hoạch hành động của Bộ Công thương thực hiện Đề án phát triển ngành CNMT đến năm 2025”
* **Năm 2020,** Dự thảo Luật BVMT sửa đổi và các phiên bản quy định về phát triển ngành CNMT

Phân tích các bất cập hiện nay trong hệ thống văn bản pháp luật về ngành CNMT, có thể thấy nổi lên một số vấn đề sau:

1. *Khái niệm công nghiệp môi trường chưa thống nhất*

Như phần đầu đã đề cập, khái niệm CNMT bao hàm 3 trụ cột/nội hàm : (i) dịch vụ môi trường, (ii) Sản xuất thiết bị/công nghệ và sản phẩm môi trường và (iii) Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên. Đó là những khái niệm mang tính phổ quát, thống nhất trong cách nhìn nhận ngành CNMT trên thế giới. Nói đến ngành CNMT là nói đến các chủ thể đặc thù: chế biến chất thải, mặc dù về hình thức thể hiện có thể khác nhau ở nước này hay nước khác.

Trong văn bản đầu tiên của Thủ tướng Chính phủ năm 2009, tại QĐ số 1030/QĐ-TTg, ngày 20/07/2009, CNMT được đề cập như là” ngành công nghiệp có khả năng cung cấp các công nghệ, thiết bị, dịch vụ, sản phẩm môi trường phục vụ yêu cầu BVMT nhằm xử lý, kiểm soát ô nhiễm, khắc phục suy thoái, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường” (trích văn bản QĐ số 1030/QĐ-TTg).

Quyết định số 192/QD-TTg ngày 13/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ, tại Điều 1, Mục 1. Quan điểm, điểm b nêu “Phát triển đồng bộ các lĩnh vực cung cấp công nghệ, thiết bị, dịch vụ và sản phẩm phục vụ các yêu cầu BVMT phù hợp với yêu cầu, điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và xu hướng phát triển của thế giới” (trích điều 1, Mục 1, điểm b) của QĐ).

Quyết định gần đây nhất, QD số 1138/QĐ-BCT ngày 4/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh, tại Điều 1, Mục 1.Mục tiêu, điểm a) Mục tiêu chung nêu” …đến năm 2025, ngành CNMT trở thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế, cơ bản đáp ứng yêu cầu BVMT trong nước; từng bước tiến tới xuất khẩu các công nghệ, thiết bị, dịch vụ và sản phẩm BVMT có lợi thế cạnh tranh” (trích Điều 1, Mục 1. Mục tiêu, điểm a) Mục tiêu chung của QD 1138/QĐ-BCT).

Có thể nhận thấy xuyên suốt trong các văn bản của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương, khái niệm CNMT luôn đầy đủ nội hàm dịch vụ và công nghệ/thiết bị. Năm 2011, khi đưa khái niệm CNMT vào Văn kiện Đại hội Đảng, nội hàm CNMT cũng được giải thích bao hàm 3 trụ cột như khái niệm gốc được sử dụng phổ biến trên thế giới. Thủ tướng Chính phủ ký Nghị định 98/2017/NĐ-CP giao Bộ Công Thương quản lý ngành CNMT, CNMT cũng được hiểu bao gồm cả dịch vụ và sản xuất thiết bị/công nghệ.

Trong khi đó, Luật BVMT 2014, Điều 153 Phát triển công nghiệp môi trường không làm rõ nội hàm, không quy định cơ sở pháp lý để quản lý và thực hiện

*“ Điều 153. Phát triển công nghiệp môi trường*

*Nhà nước đầu tư và có chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển công nghiệp môi trường; xây dựng đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật xử lý và tái chế chất thải; hình thành và phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải tập trung; sản xuất, cung cấp thiết bị, sản phẩm phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường.”*

Trong cách thể hiện của Luật, CNMT giống như một công trình tái chế chất thải đơn thuần. Điều đặc biệt, không có một dòng nào trong quy định trên đề cập đến dịch vụ môi trường, còn thiếu nội hàm về sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên. Cũng trong Luật BVMT 2014, tại Điều 150 lại quy định rất rõ và chi tiết về dịch vụ môi trường (xem Bảng dưới). Luật cũng quy định rõ cơ sở pháp lý, Dịch vụ môi trường thuộc phần trách nhiệm của Bộ TN&MT, giao Bộ trưởng Bộ TN&MT chủ trì hướng dẫn thực hiện.

Theo Luật BVMT hiện hành, có hai cách hiểu về CNMT. *Cách hiểu thứ nhất*, CNMT không có nội dung/nội hàm dịch vụ môi trường. Toàn bộ mảng dịch vụ môi trường vì vậy giao Bộ TN&MT quản lý. Nói cách khác, Bộ Công Thương được Thủ tướng Chính phủ giao quản lý ngành CNMT, nhưng không quản lý lĩnh vực dịch vụ môi trường, vì lĩnh vực đó không có trong định nghĩa/nội hàm CNMT. *Cách hiểu thứ hai*, CNMT vẫn bao hàm cả dịch vụ môi trường, song phần dịch vụ môi trường giao Bộ TN&MT, phần còn lại thuộc Bộ Công Thương .

**Điều 150. Phát triển dịch vụ môi trường**

*1.Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lậpdoanh nghiệp dịchvụ môi trường thông qua hình thức đấu thầu, cơchế hợp tác công tưtrong các lĩnh vực sau:*

*a) Thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải;*

*b) Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác độngmôi trường;*

*c) Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thânthiện với môi trường, công nghệ môi trường;*

*d) Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin vềmôi trường;*

*đ) Giám định về môi trường đối với hànghóa, máy móc, thiết bị, công nghệ;*

*e) Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sứckhỏe môi trường;*

*g) Các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường.*

*2.Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chủtrì, phối hợp với Bộtrưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hướngdẫn thực hiện quy định tạikhoản 1 Điều này.*

Vì Luật BVMT 2014 không làm rõ khái niệm và nội hàm CNMT nên dẫn đến mỗi nơi mỗi lúc có cách hiểu khác nhau. Bản thân, các Quyết định của Chính phủ (đối với Bộ Công Thương) và Luật BVMT cũng không có sự thống nhất, quy định khác nhau liên quan đến dịch vụ môi trường. Đặc biệt, khái niệm CNMT vẫn còn thiếu các hoạt động quan trọng trong 3 trụ cột như sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên.

Trong suốt một thời gian dài đã có nhiều tranh luận và ý kiến khác nhau về khái niệm và nội hàm CNMT. Có ý kiến đòi sửa tên gọi công nghiệp môi trường thành công nghiệp bảo vệ môi trường, nhiều văn kiện địa phương còn gọi môi trường công nghiệp thay cho CNMT. Rất nhiều chuyên gia không thừa nhận CNMT, chỉ có công nghiệp sản xuất công nghệ/thiết bị môi trường. Đó là cách nhìn phiến diện làm sai lệch bản chất CNMT. Luật BVMT hiện hành cũng chưa làm rõ chủ thể quản lý ngành CNMT (khác Điều 150 quy định rõ Bộ TN&MT), không tạo cơ sở pháp lý để ban hành nghị định về phát triển ngành CNMT.

*(ii) Hệ thống văn bản pháp luật về CNMT chưa có định nghĩa chính thống về CNMT*

Điểm lại tất cả các văn bản pháp luật liên quan đến CNMT, không có văn bản nào đưa ra định nghĩa về ngành CNMT. Duy nhất một phiên bản của Luật BVMT sửa đổi gần đây (không chính thức, gửi ngày 14/02/2020) có đề cập đến định nghĩa này. Trong đó, CNMT là “**Ngành kinh tế cung cấp công nghệ, thiết bị, dịch vụ và sản phẩm phục vụ các yêu cầu BVMT” .**

Tuy nhiên, ở phiên bản sửa đổi tiếp theo của Luật BVMT 2020, định nghĩa này hoàn toàn bị loại bỏ. Thay vào đó là định nghĩa khác không còn nội dung dịch vụ và cách trình bày thành 2 điều gần giống như Văn bản Luật BVMT 2014.

Việc các định nghĩa luôn thay đổi, không thống nhất từ phiên bản này sang phiên bản khác, xa rời định nghĩa gốc, phản ánh những cân nhắc khó khăn của Bên soạn thảo Luật. Song, xuyên suốt từ Luật BVMT 2014 đến hiện nay là muốn tách mảng/nội hàm dịch vụ ra khỏi ngành CNMT. Điều này một mặt sẽ không còn đúng trong thực tế (như trên phân tích, không tồn tại ngành CNMT chuyên sản xuất công nghê/thiết bị), mặt khác các nhà máy công nghiệp đang làm dịch vụ có thể sẽ trở thành mục tiêu tranh chấp giữa 2 Bộ.

Đã đến lúc cần có một định nghĩa chính thức về ngành CNMT, không thể để tình trạng tùy tiện thay đổi trong các văn bản luật như hiện nay. Một định nghĩa chính thống có sự đồng thuận cao, xuyên suốt thời gian, không thay đổi trong các văn bản luật sẽ hỗ trợ cho quản lý và doanh nghiệp CNMT được tốt hơn, tránh chồng chéo, gây cản trở cho phát triển.

*(iii) Hệ thống văn bản pháp luật đang xé lẻ/chia tách ngành CNMT*

Hệ thống văn bản pháp luật, vì những lý do khác nhau, đang xé lẻ và chia tách ngành CNMT thành các mảng hoạt động khác nhau do nhiều đầu mối quản lý. Tại văn bản Luật BVMT 2014, dịch vụ môi trường do Bộ TN&MT quản lý, sản xuất thiết bị công nghệ và sản phẩm môi trường bằng các quyết định Chính phủ giao Bộ Công Thương quản lý.

Sẽ khó khăn cho cả 2 Bộ khi tới đây xây dựng Các chương trình hành động và kế hoạch phát triển ngành CNMT. Cụ thể như đối với quy hoạch phát triển các nhà máy đốt rác phát điện, Bộ Công Thương chỉ dừng lại ở việc cung cấp công nghệ/thiết bị cho nhà máy, vậy ai sẽ xây dựng chủ trương phát triển, chiến lược, quy hoạch, xem xét các gam công suất và đầu ra của nhà máy? Công nghệ/thiết bị đứng một mình căn cứ vào đâu để xác định.

Doanh nghiệp sẽ là bên chịu nhiều ảnh hưởng nhất, chính sách cũng bị xé lẻ, không tránh khỏi xung đột do lợi ích khác nhau. Cuối cùng, ngành CNMT sẽ không thể phát triển do bị chia cắt như vậy. Quan điểm của Hiệp Hội CNMT cho rằng việc xé lẻ và chia cắt ngành CNMT là không nên xảy ra. Chính phủ cần xem xét /cân nhắc nếu thấy Bộ nào thuận lợi hơn cho việc quản lý ngành thì giao một đầu mối quản lý tránh phân tán (nếu được, có thể giao cho Bộ TN&MT quản lý tất cả). Mục tiêu cuối cùng là tạo điều kiện phát triển ngành tốt hơn, đảm bảo sự toàn vẹn và thống nhất của ngành CNMT vì lợi ích quốc gia.

Từ phân tích hiện trạng các bất cập liên quan đến hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về ngành CNMT, một số kiến nghị được đề xuất như sau.

1. Làm rõ khái niệm *“Công nghiệp môi trường”,* đưa khái niệm này vào mục giải thích thuật ngữ của Luật. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tuyên truyền (hội thảo, chuyên đề giới thiệu CNMT, bài viết phân tích, trang thông tin..) để mọi người , mọi giới cùng thống nhất cách hiểu từ đó ủng hộ/đóng góp ý kiến cho ngành
2. Thống nhất định nghĩa về *Ngành Công nghiệp môi trường* , sử dụng nhất quán một định nghĩa từ nay và về sau trong các văn bản Luật về ngành CNMT. Đi cùng định nghĩa, chỉ rõ trong luật các nội hàm của ngành CNMT, các lĩnh vực hoạt động thuộc ngành CNMT để làm cơ sở phân công và quản lý phát triển ngành
3. Thống nhất đầu mối/cơ quan quản lý ngành CNMT không để tình trạng nhiều Bộ, nhiều cơ quan quản lý như hiện nay. Sửa lại Luật BVMT 2020 theo hướng một đầu mối chịu toàn bộ trách nhiệm, không tách dịch vụ và sản xuất thiết bị/công nghệ thành các mảng riêng lẻ, do nhiều cơ quan quản lý. Đảm bảo sự toàn vẹn và thống nhất về nội hàm ngành CNMT, tạo năng lực cho phát triển ngành.
4. **Định hướng điều chỉnh các văn bản Luật về phát triển ngành CNMT**

Hệ thống các văn bản chính sách về ngành CNMT gồm các văn bản sau:

* Luật BVMT 2020
* Các nghị định phát triển ngành CNMT
* Chiến lược và Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển ngành CNMT
* Quy hoạch và quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển ngành CNMT
* Danh mục ngành kinh tế và hệ thống thống kê

Sau đây sẽ xem xét các nội dung điều chỉnh.

1. *Luật BVMT và định hướng điều chỉnh*

Trên đây đã đề cập hiện trạng các văn bản pháp luật hiện hành, phân tích các bất cập và đề xuất hướng điều chỉnh. Có 3 kiến nghị chính gồm: (i) làm rõ khái niệm *“Công nghiệp môi trường”* trong các văn bản luật*,* (ii) thống nhất một định nghĩa về CNMT trong các văn bản luật từ nay về sau, và (iii) phân công một đầu mối quản lý ngành CNMT, không xé lẻ/chia nhỏ ngành CNMT vì bất kỳ lý do nào.

Luật BVMT hiện vẫn còn thiếu quy định khung để ra được Nghị định về phát triển ngành CNMT. Theo các chuyên gia, Luật BVMT tới đây cần làm rõ vị trí và vai trò quan trọng của ngành CNMT, mô tả chi tiết hơn các lĩnh vực hoạt động của ngành CNMT và giao Chính phủ quy định chi tiết điều này để làm cơ sở cho việc ban hành Nghị định.

Điểm mấu chốt trong sửa đổi Luật lần này là **hợp nhất quy định dịch vụ môi trường vào với sản xuất thiết bị/công nghệ.** Điều này đúng với thực tế hoạt động của ngành CNMT, góp phần vào sự phát triển đúng hướng của ngành CNMT. Bên cạnh đó, Điều “phát triển ngành CNMT” cần bổ sung các hoạt động liên quan đến sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên, trụ cột quan trọng còn thiếu trong hoạt động của ngành.

Về tầm quan trọng của ngành CNMT, thống kê doanh thu của CNMT thế giới mỗi năm đạt 3-4 ngàn tỷ USD. CNMT ngày càng phát triển đi cùng với văn minh nhân loại và sự khan hiếm tài nguyên. Chất thải hôm nay nhưng là tài nguyên quý giá của ngày mai. Tất cả phụ thuộc vào sự phát triển của công nghệ và tri thức của con người. CO2 phát thải gây ô nhiễm và biến đổi khí hậu ngày nay đang từng bước được thu gom, lưu trữ và phục vụ cho nhiều mục tiêu khác nhau. Chất thải hạt nhân tới đây sẽ biến thành các dạng pin năng lượng có tuổi đời hàng trăm năm. Chất thải rắn sinh hoạt đang được khai thác triệt để để sản xuất ra năng lượng, đưa tỷ lệ chôn lấp xuống dưới 5% tại nhiều quốc gia. Tại các nước khan hiếm tài nguyên nước, nước thải trở thành nguồn cung cấp quý giá, được xử lý và sử dụng lại như Israel. Việt Nam là quốc gia hàng đầu thế giới về xuất khẩu cá da trơn, với sản lượng 1,2-1,5 triệu tấn mỗi năm. Khoảng ½ trong số đó là thải bỏ, nhưng công nghệ đã biến các chất thải bỏ đó thành sản phẩm như Bio-diesel, mỹ phẩm, dược phẩm và thức ăn cho gia súc đem lại các giá trị ngày càng lớn.

CNMT đóng góp lớn cho BVMT và đang tạo ra nền kinh tế thứ hai. Vì thế, sự phát triển ngành CNMT có tầm quan trọng to lớn và ý nghĩa sống còn. Hiên tại, những Quy định như tại điều 156 về phát triển ngành CNMT tại bản sửa đổi Luật BVMT gần nhất không phản ánh đầy đủ các hoạt động của ngành CNMT, cố gắng thu hẹp phạm vi chức năng và đóng góp của ngành CNMT, cần phải được điều chỉnh.

1. *Nghị định phát triển ngành CNMT*

Cần thiết phải có Nghị định về phát triển ngành CNMT. Nghị định sẽ định vi vị trí và vai trò về mặt pháp lý ngành CNMT. Trong nghị định này, các vấn đề cốt lõi như định hướng phát triển, các hướng phát triển ưu tiên, các mặt hàng/sản phẩm/dịch vụ ưu tiên, xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ, thị trường ngành CNMT trước mắt và lâu dài, phát triển doanh nghiệp, các cơ chế/chính sách hỗ trợ…sẽ được làm rõ.

Ra đời cùng thời điểm với ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT), nhưng đến nay ngành CNMT vẫn chưa ra được Nghị định về phát triển ngành. Có nhiều lý do, trong đó có lý do liên quan đến Luật khung như Luật BVMT 2014 nêu trên. Bên cạnh đó, còn có những vướng mắc khác như chưa thống nhất trong cách nhìn nhận ngành CNMT. Ngành CNMT không có lý do để tồn tại nếu chỉ liên quan đến sản xuất thiết bị/công nghệ.

Sản xuất công nghệ/thiết bị phải gắn với dịch vụ, nằm trong/hay trở thành một bộ phận của chuỗi giá trị mới có cơ hội phát triển. Đó cũng là vấn đề cốt lõi phải đặt ra trong Nghị định phát triển ngành.

1. *Chiến lược phát triển ngành CNMT*

Ngành CNMT cần thiết phải xác lập lộ trình mục tiêu của ngành theo từng giai đoạn đến 2030 và tiếp theo đến 2045 cùng các ngành kinh tế khác. Trong các mục tiêu đó, có mục tiêu xử lý chất thải, phát triển doanh nghiệp, xuất nhập khẩu dịch vụ/công nghệ, và giải quyết các vấn đề nóng môi trường. Ngành CNMT phải có đủ năng lực để đáp ứng và giải quyết các vấn đề môi trường của nền kinh tế. Vì vậy, phải xác định rõ các vấn đề đặt ra trong BVMT và sử dụng bền vững tài nguyên của nền kinh tế Việt Nam đến 2030 và các năm sau. Xem xét vấn đề phát triển ngành trong bối cảnh phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế, các xu hướng trên thế giới và các vấn đề môi trường liên quan tại từng thời điểm.

Tất cả những mục tiêu này chỉ được giải quyết và làm rõ thông qua nghiên cứu và phân tích chiến lược các “nhu cầu và đáp ứng” của ngành CNMT.

1. *Quy hoạch phát triển ngành CNMT*

Tiếp theo chiến lược phát triển ngành CNMT, quy hoạch phát triển ngành sẽ xác lập các phân bố không gian, tạo các liên kết hiệu quả giữa các cơ sở công nghiệp/hoạt động của ngành nhằm đáp ứng cao nhất các mục tiêu chiến lược đặt ra.

Quy hoạch cũng đặt ra và giải quyết các vấn đề quy mô công nghiệp/gam công suất của các nhà máy như đốt rác phát điện, quy hoạch số lượng và địa điểm phân bố công nghiệp, các lựa chọn công nghệ tốt nhất hiện có. Đây chính là cơ sở pháp lý để cấp phép và quản lý nhà nước về phát triển ngành CNMT. Quy hoạch phát triển ngành CNMT là một phần không thể thiếu trong hệ thống các quy định/văn bản pháp luật về quản lý nhà nước hiện vẫn còn thiếu.

1. *Thống kê ngành CNMT*

Trong dự thảo Luật BVMT 2020, Điều 156. Phát triển CNMT có đề cập đến việc bổ sung ngành CNMT vào hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam. Bước tiếp theo, cần thiết phải xây dựng ngay hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành CNMT.

Hiện tại, một số chỉ tiêu thống kê của ngành CNMT đã được thiết lập, tại mục E danh bạ thống kê quốc gia. Tuy nhiên, do là ngành ra đời muộn, rất nhiều chỉ tiêu thống kê của ngành chưa được phản ánh trong danh mục. Pháp lệnh thống kê quốc gia tới đây phải bổ sung gấp các chỉ tiêu ngành CNMT vào hệ thống chỉ tiêng chung. Đây sẽ là nhiệm vụ cấp thiết phải làm trong thời gian tới cùng với Hệ thống văn bản pháp luật chung.

*Tham khảo toàn bộ nghiên cứu* ***tại đây***

***VEIA***